

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/HSST

Ngày 18/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Thành Tân

Thẩm phán: bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Đặng Hồng Sơn
2. Ông Huỳnh Hoàng Thành
3. Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: bà Tô Thị ÚT – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2017 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2017/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2017. Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2017/HSST-QĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017, đối với bị cáo:

Lê Nguyên Tr, sinh năm 1974 tại Bạc Liêu. Tên gọi khác: Nguyên. Nơi cư trú: số 196, ấp Vĩnh Hòa, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở: số 192 đường 30/4 thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Lê Văn B và bà Quan Thử H, mẹ nuôi là bà Nguyễn Thị B; có vợ là Nguyễn Thị Hồng C; tiền sự, tiền án: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/4/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa: ông Phan Duy V - luật sư của Văn phòng luật sư Thiện Lý, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long bào chữa cho bị cáo Lê Nguyên Tr. Có mặt.

- *Người bị hại:* Phạm Văn Gi, sinh năm 1966. Nơi cư trú: số A 145, ấp Vĩnh Hòa, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Nguyễn Thị B, sinh năm 1943. Có mặt.

Nơi cư trú: số 196, ấp Vĩnh Hòa, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1980. Có mặt.

Nơi cư trú: số 1B, Phạm Hùng, khóm 5, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1/ Trần Thị Hồng L, sinh năm 1972. Vắng.

Nơi cư trú: số A 145, ấp Vĩnh Hòa, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Trần Thị M, sinh năm 1961. Vắng.

Nơi cư trú: số 757, ấp Vĩnh Hòa, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Vũ Sỹ Ch, sinh năm 1949. Vắng.

Nơi cư trú: số 186, ấp Tân Xuân, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Trần Quang T, sinh năm 1948. Vắng.

Nơi cư trú: số 310, ấp Vĩnh Hòa, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

5/ Trần Quốc T, sinh năm 1969. Vắng.

Nơi cư trú: số 44, ấp Vĩnh Hòa, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

6/ Hoàng Thị L, sinh năm 1973. Vắng.

Nơi cư trú: số 36/18 tổ 19, ấp An Hòa, xã Hòa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

7/ Nguyễn Thanh Kh, sinh năm 1967. Vắng.

Nơi cư trú: số 232E, ấp Tân Vĩnh Thuận, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

8/ Trần Đại Ng, sinh năm 1957. Vắng.

Nơi cư trú: số 224A, Hùng Vương, khóm 1, phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

9/ Nguyễn Thế H, sinh năm 1974. Vắng.

Nơi cư trú: ấp Ông Lang, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên tháng 10/2014 Lê Nguyên Tr biết ông Phạm Văn Gi có tiền và muốn đầu tư kinh doanh nên Tr nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông Gi. Trọng đến gặp ông Giang và nói dối rằng Tr đang làm công trình ở Phú Quốc, Kiên Giang và rủ ông Gi hùn vốn, việc đầu tư sẽ sinh lợi

cao và chia cho nhau. Tr thỏa thuận là ông Gi sẽ đầu tư mua xe ben, xe cuốc, xe ban đất... còn việc vận hành, quản lý sẽ do Tr đảm nhận. Do bạn bè thân nên ông Gi tin tưởng hùn vốn và Trọng nhiều lần yêu cầu ông Gi chuyển tiền để mua phương tiện thi công và mua đất, số tiền mỗi lần yêu cầu khác nhau. Đồng thời để tạo niềm tin nên Tr nói dối là tiền đầu tư đã có lãi và sẽ sử dụng tiền lãi này để tiếp tục đầu tư để sinh lợi nhiều hơn.

Từ tháng 10/2014 đến ngày 16/02/2016 ông Gi đã chuyển cho Tr tổng cộng 2.874.500.000 đồng, trong đó chuyển khoản từ hệ thống ngân hàng 2.271.500.000 đồng tiền mặt do người thân, bạn bè ông Gi đưa là 603.000.000 đồng. Tuy nhiên Tr không thực hiện đúng thỏa thuận mà sử dụng tiền vào mục đích cá nhân của Tr. Cụ thể là với số tiền 1.615.000.000 đồng Tr hùn vốn mua bán máy tàu, máy xe với Nguyễn Thanh D (ở Đồng Nai); đưa cho bạn gái là Lê Thị D 780.000.000 đồng để mở quán nhậu; trả nợ cá nhân 80.000.000 đồng; còn lại 399.500.000 đồng Tr tiêu xài cá nhân hết.

Qua thời gian dài không thấy Tr chia lợi nhuận nên ông Gi hỏi thăm bạn bè và hỏi trực tiếp Tr thì Tr thừa nhận việc chiếm đoạt tiền của ông Gi để sử dụng vào mục đích cá nhân chứ không đầu tư công trình nào hết. Đến ngày 16/11/2016 ông Gi gửi đơn tố cáo, quá trình điều tra Tr thừa nhận toàn bộ hành vi của mình.

Đối với Nguyễn Thanh D, Lê Thị D: không xác định được nơi cư trú của các đối tượng này. Việc Trọng chuyển tiền cho các đối tượng này không có làm biên nhận và Tr đồng ý chịu trách nhiệm toàn bộ số tiền này nên không đề cập xử lý đối với D và Duyên.

Tại Cáo trạng số: 28/CT-VKS-P1 ngày 22/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, đã truy tố bị cáo Lê Nguyên Tr, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận từ tháng 10 năm 2014 đến tháng 02 năm 2016 bị cáo nói dối là đang làm công trình ở Phú Quốc nên rủ ông Giang hùn vốn làm ăn chia lời nhưng khi nhận tiền của ông Giang thì bị cáo sử dụng vào việc riêng của bị cáo.

Ông Giang trình bày do tin tưởng nên đã giao tiền cho bị cáo Trọng nhiều lần với số tiền 2.874.500.000 đồng, gia đình bị cáo đã khắc phục số tiền 170.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do tin lời nói dối của bị cáo Tr, ông Gi đã chuyển cho bị cáo nhiều lần với tổng số tiền 2.874.500.000 đồng. Số tiền này bị cáo đã sử dụng vào việc riêng của bị cáo hết. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 đến 11 năm tù.

- Về bồi thường thiệt hại: chấp nhận yêu cầu của người bị hại, chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị B là mẹ nuôi của bị cáo về việc tự nguyện bán nhà đất để khắc phục 1 phần hậu quả.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: thống nhất cao với quan điểm của Kiểm sát viên; về mức hình phạt đề nghị xem xét xử bị cáo 09 năm tù cũng đủ giáo dục bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo xin lỗi người bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về lo cho mẹ già và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo Lê Nguyên Tr đã có hành vi lừa ông Phạm Văn Gi để chiếm đoạt số tiền 2.874.500.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra cũng như lời khai của những người tham gia tố tụng, thể hiện: từ tháng 10/2014 đến ngày 16/02/2016 ông Giang đã chuyển cho bị cáo số tiền 2.874.500.000 đồng rồi chiếm đoạt.

Do đó đã đủ cơ sở khách quan để quy kết bị cáo Lê Nguyên Tr phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

[2] Về tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Tài sản hợp pháp của công dân có được là do họ phải lao động vất vả, không ngại nặng nhọc nhằm tạo ra của cải vật chất cho bản thân gia đình và xã hội. Đây là tài sản riêng của người bị hại được pháp luật bảo vệ tránh khỏi mọi sự xâm hại. Chính bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 2.874.500.000 đồng để chi xài cá nhân. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, Chỉ vì muốn có tiền chi xài, bị cáo bịa ra chuyện đang làm ăn ở Phú Quốc – Kiên Giang nên rủ ông Gi hùn vốn. Ông Giang tin, tưởng giả là thật nên giao cho bị cáo nhiều lần với số tiền rất lớn gần 03 tỷ đồng rồi bị cáo chi xài cá nhân hết. Việc làm của bị cáo không những đã vi phạm pháp luật mà còn làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây ra sự nghi ngờ lẫn nhau, mà nhất là những người có ý định hùn hạp làm ăn. Bị cáo chiếm đoạt số tiền 2.874.500.000 đồng nên đã phạm vào khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo nói dối nhiều lần nên ông Giang giao tiền cho bị cáo cũng nhiều lần nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự trong khi khả năng bị cáo hoàn trả là không có. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Song cũng xét, bị cáo có quá trình nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; trước khi khởi tố vụ án, gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả số tiền 170.000.000 đồng nên xem đây là những tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng ở các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên và Luật sư về việc bị cáo được hưởng một số tình tiết giảm nhẹ, phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Về bồi thường thiệt hại: người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền 2.874.500.000 đồng – 170.000.000 đồng = 2.704.500.000 đồng. Xét yêu cầu này là có căn cứ nên chấp nhận.

Về án phí: do buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền 2.704.500.000 đồng cho bị hại nên bị cáo phải chịu án phí 72.000.000 đồng + (704.500.000 đồng x 2%) = 72.000.000 đồng + 14.090.000 đồng = 86.090.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Lê Nguyên Tr (Nguyên), phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Nguyên Tr (Nguyên): 13 (Mười ba) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 18/4/2017.

2/ Về bồi thường thiệt hại:

Áp dụng Điều 585, điểm a khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 42 của Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Lê Nguyên Tr phải hoàn trả cho bị hại Phạm Văn Gi số tiền 2.704.500.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm lẻ bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

3/ Án phí:

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Nguyên Tr phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 86.090.000 đồng (Tám mươi sáu triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm lãi suất theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án xử công khai có mặt bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Báo cho tất cả biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- Phòng hồ sơ-CAVL: 01;
- Cục THADS TVL: 02;
- Sở Tư pháp: 01;
- TTG, BỊ CÁO: 02;
- BH:01;
- NLQ:02;
- Luật sư: 01;
- Lưu (hsơ +TNV).

Lê Thành Tân